



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Tel: 024 3768 4495 | Fax: 024 3768 4490 | Website: [www.scigroup.vn](http://www.scigroup.vn)

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

## **NĂM 2018**

**Hà Nội, tháng 04 năm 2019**

# MỤC LỤC

<b>I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY</b> .....	2
1. Thông tin khái quát:.....	2
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh: .....	4
3. Mô hình quản trị, cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty.....	5
4. Định hướng phát triển.....	6
5. Các rủi ro .....	7
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b> .....	9
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh .....	9
2. Tổ chức và nhân sự.....	9
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án .....	13
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	16
<b>III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b> .....	16
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	17
2. Tình hình tài chính tại Công ty.....	17
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý .....	18
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	18
<b>IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	19
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty .....	19
2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị .....	19
<b>V. QUẢN TRỊ CÔNG TY</b> .....	21
1. Hội đồng quản trị.....	21
2. Ban kiểm toán nội bộ.....	24
<b>VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b> .....	24

## I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

### 1. Thông tin khái quát:

Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tên tiếng Anh : SCI JOINT STOCK COMPANY

**Tên viết tắt** : SCI., JSC

**Logo** : 

**Trụ sở chính** : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

**Điện thoại** : (+84-24) 3768 4495

**Fax** : (+84-24) 3768 4490

**Website** : [www.scigroup.vn](http://www.scigroup.vn)

**Vốn điều lệ đăng ký**: 407.907.140.000 đồng (Bốn trăm linh bảy tỷ chín trăm linh bảy triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng./.).

**Vốn điều lệ thực góp** : 407.907.140.000 đồng (Bốn trăm linh bảy tỷ chín trăm linh bảy triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng./.).

**Giấy chứng nhận ĐKKD số** : 0101405355 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 14 ngày 01/03/2019.

**Ngày trở thành công ty đại chúng**: 22/12/2006

**Quá trình hình thành phát triển:**

Tiền thân Công ty là Xí nghiệp Xây lắp thi công Cơ giới Sông Đà 903 – trực thuộc Công ty Xây lắp thi công Cơ giới Sông Đà 9 - Tổng Công ty Sông Đà. Theo Quyết định số 05/TCT-TCLĐ ngày 23/12/1998 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà.

Nhiệm vụ: Chuyên thi công xây dựng cầu đường, đào đắp san nền, chuẩn bị các điều kiện để tham gia thi công xây dựng thủy điện Sơn La.

**Năm 2003:**

Ngày 19 tháng 08 năm 2003 Công ty cổ phần Sông Đà 909 chính thức được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Nhiệm vụ: Thi công các công trình công nghiệp thủy điện, giao thông trên khắp mọi miền đất nước: Nhà máy thủy điện Playkrông, NMTĐ Tuyên Quang, NMTĐ Se San 3, Công trình đường Hồ Chí Minh, Đường Quốc lộ 1A, Các hạng mục phụ trợ NMTĐ Sơn La.

**Năm 2006:**

Thực hiện mở rộng quy mô phát triển sản xuất kinh doanh, cổ phiếu của Công ty cổ phần Sông Đà 909 (mã S99) chính thức niêm yết và giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 22/12/2006, theo Quyết định số 67/QĐ-TTGDHN ngày 06/12/2006 của Giám đốc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Nhiệm vụ: Tập trung thi công các công trình thủy điện: Nhà máy thủy điện Sơn La, Nhà máy thủy điện Nậm Chiến, Nhà máy thủy điện Lai Châu; Các công trình giao thông: Đường mòn Hồ Chí Minh, Mở rộng đường Quốc lộ 1- Phú Yên, Tỉnh lộ 127 - Lai Châu, Tỉnh lộ Nam Quảng Nam; Bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng

**Năm 2014:**

Công ty cổ phần Sông Đà 9 thực hiện thoái hết phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Sông Đà 909.

Thời điểm này Công ty tập trung hoàn thành các hạng mục cuối cùng của các công trình dự án Nhà máy thủy điện Sơn La, Nhà máy thủy điện Nậm Chiền, Nhà máy thủy điện Lai Châu và các công trình giao thông khác.

**Năm 2015:**

Công ty cổ phần Sông Đà 909 đổi tên thành Công ty cổ phần SCI, đồng thời tăng vốn điều lệ đến 370 tỷ đồng; Cơ cấu lại nguồn vốn, tăng năng lực tài chính và năng lực bộ máy lãnh đạo quản lý của Công ty; Xây dựng nhận diện thương hiệu mới và định hướng tái cấu trúc hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh, đầu tư tài chính, thi công xây lắp và phát triển đầu tư trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, môi trường và hạ tầng, giao thông.

**Năm 2016:**

Mở rộng và phát triển hoạt động, Công ty cổ phần SCI trở thành Công ty đại chúng quy mô lớn, hoạt động theo mô hình công ty mẹ-con. Mỗi đơn vị thành viên được định hướng phát triển theo tiềm năng và lợi thế của mình dựa trên chiến lược phát triển của Công ty mẹ; đồng thời tham gia liên kết thực hiện theo mục tiêu giá trị cốt lõi của toàn hệ thống.

**Năm 2017 đến nay:**

Công ty cổ phần SCI cùng các đơn vị thành viên trong toàn hệ thống (SCIGROUP) với gần 700 CBCNV lao động, đang thực hiện nhiệm vụ kế hoạch phát triển thi công xây lắp và đầu tư các dự án năng lượng thủy điện trên khắp các vùng miền của đất nước và nước bạn Lào.

Cụ thể như:

- Dự án thủy điện Canan 2: Công suất 16 MW – Đã phát điện thương mại vào tháng 10/2018.
- Dự án thủy điện Canan 1: Công suất 7 MW – KH phát điện vào tháng 4/2019.
- Khảo sát lập các dự án đầu tư thủy điện Nậm Xe, thủy điện Nậm Lùm tại Lai Châu; Dự án thủy điện Mường Luân tại Điện Biên.
- Khảo sát dự án Điện gió Tân Thành, Hướng Việt tại Quảng Trị.
- Tổng thầu thi công dự án Điện mặt trời tại Ninh Thuận.
- Thi công công trình dự án Nhiệt điện Long Phú.
- Thi công công trình Thủy điện Nam Theun 1 (tại Nước CHDCND Lào).
- Và nhiều công trình đường giao thông khác trên khắp cả nước.

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

**Ngành nghề kinh doanh:**

- Nhận thầu thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, bưu điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây và trạm biến thế điện, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát

nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, lắp đặt hệ thống điện lạnh, trang trí nội thất, gia công lắp đặt khung nhôm các loại;

- Nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn;

- Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;

**Địa bàn kinh doanh:**

- Khắp các vùng miền trong cả nước: Tập trung các vùng Tây Bắc, Miền Trung và Đồng bằng sông cửu long;

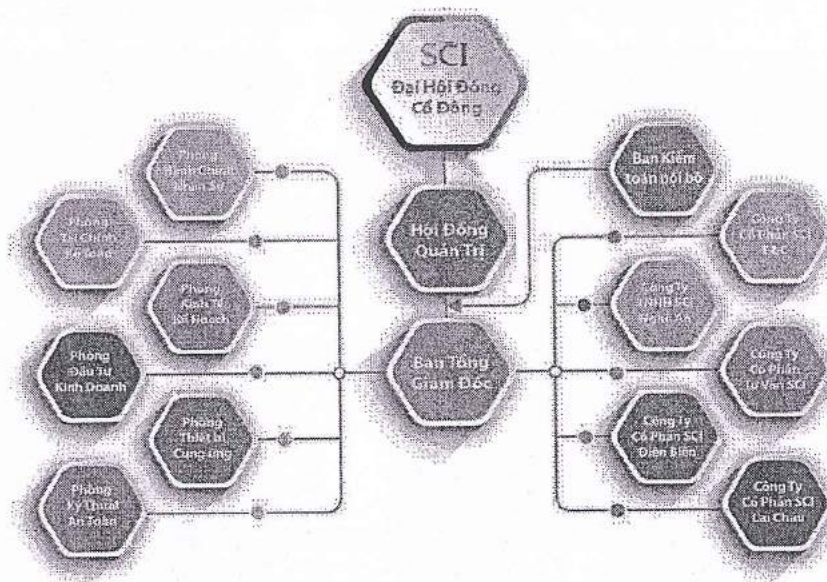
- Nước bạn CHDCND Lào.

**3. Mô hình quản trị, cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty**

**Mô hình quản trị.**

- Đại hội đồng cổ đông,
- Hội đồng quản trị,
- Ban kiểm toán nội bộ,
- Ban Tổng Giám đốc

**Cơ cấu bộ máy quản lý.**



**Các công ty con, công ty liên kết:**

**1. Công ty cổ phần SCI E&C:**

Địa chỉ: Đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Lĩnh vực SXKD chính: Thi công xây lắp các công trình công nghiệp thủy điện, hạ tầng, giao thông thủy bộ trên khắp cả nước và nước bạn Lào.

Vốn điều lệ:

Tỷ lệ sở hữu của SCI: 60.5 % Vốn điều lệ

**2. Công ty cổ phần Tư vấn SCI:**

Địa chỉ: Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Lĩnh vực SXKD chính: Tư vấn thiết kế và quản lý dự án.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của SCI: 65 % Vốn điều lệ

**3. Công ty TNHH SCI Nghệ An:**

Địa chỉ: Bàn Huồi thờ, xã Hữu kiệm, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

Lĩnh vực SXKD chính: Đầu tư, kinh doanh khai thác các dự án thủy điện tại Nghệ An.

Vốn điều lệ: 245.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của SCI: 51 % Vốn điều lệ

**4. Công ty cổ phần SCI Lai Châu:**

Địa chỉ: Thôn Tây Sơn, xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Lĩnh vực SXKD chính: Đầu tư, kinh doanh khai thác các dự án thủy điện tại Lai Châu.

Vốn điều lệ: 250.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của SCI: 99.98 % Vốn điều lệ

**5. Công ty cổ phần SCI Điện Biên:**

Địa chỉ: .

Lĩnh vực SXKD chính: Đầu tư, kinh doanh khai thác các dự án thủy điện tại Điện Biên.

Vốn điều lệ:

Tỷ lệ sở hữu của SCI: 99.94 % Vốn điều lệ

**4. Định hướng phát triển**

- Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- + Là doanh nghiệp chuyên sâu trong việc thực hiện dự án năng lượng tái tạo, môi trường và hạ tầng.
- + Đầu tư và thi công trong lĩnh vực thủy điện, nhiệt điện, điện gió, điện mặt trời, công trình giao thông đường bộ, đường thủy, bến cảng, các công trình ngầm,...
- + Mục tiêu cụ thể năm 2019 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Hợp nhất	Công ty mẹ
1	Tổng giá trị SXKD	10 <sup>6</sup> đ	1.451.889	215.952
2	Tổng giá trị đầu tư	10 <sup>6</sup> đ	309.225	14.000
3	Tổng doanh thu	10 <sup>6</sup> đ	1.110.067	215.331

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Hợp nhất	Công ty mẹ
4	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>6</sup> đ	69.103	23.126

+ Mục tiêu phát triển bền vững (đối với môi trường, xã hội và cộng đồng):

Với Xã hội: Góp phần tạo dựng nền tảng cho một Xã hội văn minh trường tồn.

Với Khách hàng và Đối tác: Tạo sự tin cậy, đúng hẹn, tôn trọng

Với Người lao động trong Công ty: Thu nhập tốt, đối xử công bằng, chuyên nghiệp, thân thiện, được tôn trọng được khẳng định bản thân.

## 5. Các rủi ro

### 5.1. Rủi ro từ nền kinh tế

#### ❖ Rủi ro tăng trưởng

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và pháp nhân trong nền kinh tế.

Tốc độ tăng trưởng ngành Xây dựng chịu tác động của tốc độ tăng trưởng GDP và trong dài hạn tốc độ tăng trưởng ngành Xây dựng tương quan thuận với tốc độ tăng trưởng GDP trong toàn nền kinh tế. Do bản chất nền kinh tế Việt Nam vẫn thuộc nhóm nền kinh tế đang phát triển, chi tiêu đầu tư xây dựng cơ bản là một trong những động lực thúc đẩy tăng trưởng dài hạn nền kinh tế.

Việc điều hành nền kinh tế một cách ổn định và hiệu quả của Chính phủ sẽ giúp giảm thiểu các rủi ro kinh tế cho các doanh nghiệp nói chung và cho Công ty nói riêng.

#### ❖ Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với biến động của lạm phát.

Hoạt động của các doanh nghiệp đầu tư, sản xuất kinh doanh thi công xây lắp như Công ty Cổ phần SCI luôn chịu tác động trực tiếp từ tỷ lệ lạm phát. Sự biến động của lạm phát trong thời gian qua ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả đầu vào, cũng như nhu cầu tiêu thụ sản phẩm đầu ra của Công ty. Để hạn chế rủi ro về lạm phát, Công ty luôn chủ động trong việc ký các hợp đồng cung cấp nguyên nhiên vật liệu đầu vào với các nhà cung cấp truyền thống và có kế hoạch chủ động điều chỉnh giá bán cho khách hàng dựa trên những dự báo về tình hình lạm phát.

#### ❖ Lãi suất

Công ty Cổ phần SCI có sử dụng vốn vay ngân hàng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Biến động lãi suất theo xu hướng giảm trong những năm gần đây có tác dụng tích cực, góp phần làm giảm chi phí lãi vay ngân hàng và tăng lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### 5.2. Rủi ro pháp luật

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về chứng khoán, các chính sách thuế, các cam kết hội nhập, các luật về đất đai, xây dựng, môi trường,... Đồng thời, Công ty cũng chịu ảnh hưởng lớn từ các chính sách Nhà nước như định hướng phát triển ngành Xây dựng, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế, các chính sách về thuế và quản lý môi trường. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong lợi nhuận.

Tuy nhiên, hiện nay hệ thống Pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, sự thay đổi có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, để hạn chế rủi ro này, Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật kịp thời những thay đổi trong môi trường pháp luật để định hoạt động kinh doanh cho phù hợp.

### **5.3. Rủi ro đặc thù**

#### **❖ Rủi ro biến động giá nhiên liệu đầu vào**

Công nghệ thi công của Công ty chủ yếu dựa vào hệ thống máy móc thiết bị cơ giới hạng nặng. Để vận hành và sử dụng các thiết bị này, nhiên liệu đầu vào là yếu tố không thể thiếu. Hiện nay, nguồn nhiên liệu sử dụng trong nền kinh tế phần lớn phụ thuộc vào nhập khẩu. Trong thời gian qua, giá cả các loại nhiên liệu nhập khẩu biến động thất thường, chủ yếu là do những bất ổn về chính trị tại một số khu vực trên thế giới, hoặc do sự thay đổi trong chính sách khai thác, dự trữ nhiên liệu của một số quốc gia có nền công nghiệp dầu mỏ hoặc nền kinh tế phát triển. Để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của giá cả vật tư, nhiên liệu đầu vào đến kết quả kinh doanh, Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng xây lắp có điều chỉnh giá trong những trường hợp giá cả các loại vật tư, nhiên liệu đầu vào biến động. Mặc dù vậy, có thể nói đây vẫn là rủi ro lớn đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### **❖ Rủi ro khoản phải thu khó đòi**

Do đặc điểm của ngành xây dựng, các công trình thi công thường kéo dài qua nhiều năm, thời gian quyết toán, hoàn thiện hồ sơ thi công giữa các bên và thời gian thanh toán các công trình, hạng mục công trình kéo dài. Đặc điểm này tiềm ẩn rủi ro tài chính và khả năng trả nợ của Công ty khi có khách hàng bị phá sản, mất khả năng thanh toán, hoặc khi các công trình thi công bị thiệt hại do các nguyên nhân khách quan... Để giảm thiểu rủi ro này, công ty sẽ đánh giá kỹ các công trình thực hiện và năng lực tài chính của chủ đầu tư, yêu cầu chủ đầu tư ứng trước theo từng giai đoạn công trình.

#### **❖ Rủi ro vận hành**

Để đáp ứng yêu cầu của khách hàng, chủ đầu tư về tiến độ thi công các công trình, hạng mục công trình, nhiều khi Công ty phải tiến hành thi công xây dựng trong những điều kiện thời tiết xấu, địa hình phức tạp, có thể xảy ra tai nạn lao động, hỏng hóc và ngưng trệ hoạt động máy móc thiết bị, gián đoạn quá trình thi công, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

### **5.4. Rủi ro khác**

Các rủi ro nằm ngoài khả năng dự báo và vượt quá khả năng phòng chống của con người như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh,... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt



động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra. Công ty cũng đã xem xét và xây dựng một số kịch bản phòng ngừa rủi ro bất khả kháng nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro cho Công ty và đảm bảo tính hoạt động liên tục.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### a. Tổ hợp SCI.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ (%) HT	Tăng trưởng so với năm 2017 (%)
1	Tổng giá trị SXKD	10 <sup>6</sup> đ	1.226.646	1.253.969	102,2	20,1
2	Tổng giá trị đầu tư	10 <sup>6</sup> đ	490.450	312.926	63,8	
3	Tổng doanh số	10 <sup>6</sup> đ	1.377.558	1.189.315	86,3	15,6
4	Tổng doanh thu	10 <sup>6</sup> đ	1.001.342	847.997	84,7	41,3
5	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	10 <sup>6</sup> đ	5.424	80.500		

#### b. Riêng Công ty mẹ.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ (%) HT
1	Tổng giá trị SXKD	10 <sup>6</sup> đ	196.185	215.450	109,8
2	Tổng giá trị đầu tư	10 <sup>6</sup> đ	14.000	400	2,9
3	Tổng doanh số	10 <sup>6</sup> đ	221.604	214.843	96,9
4	Tổng doanh thu	10 <sup>6</sup> đ	219.400	213.498	97,3
5	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>6</sup> đ	15.139	22.333	147,5

### 2. Tổ chức và nhân sự

#### 2.1 Ban điều hành hiện tại

- Ông Nguyễn Văn Phúc - Tổng Giám đốc Bỏ nhiệm ngày 28/02/2019
- Ông Đoàn Thế Anh - Phó Tổng giám đốc Bỏ nhiệm ngày 23/06/2015
- Ông Phạm Văn Nghĩa - Phó Tổng giám đốc Bỏ nhiệm ngày 13/11/2017

❖ **TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

⚡ **Ông Nguyễn Văn Phúc - Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc**

- Ngày sinh: 01/01/1966
- CMTND số : 112368321 cấp ngày: 05/3/2007 tại CA Hà Tây.
- Địa chỉ thường trú: 7B, Ao Sen 7, Mỗ Lao, thị xã Hà Đông, Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế máy.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + 1990 – 1994: Phòng kinh tế kế hoạch Tổng công ty Sông Đà /Đại diện Tổng công ty Sông Đà Yaly;
  - + 1994 – 2001: Trưởng phòng kinh tế kế hoạch Công ty Sông Đà 3;
  - + 2002 – 2005: Trưởng phòng kinh tế kế hoạch Công ty CP Sông Đà 9;
  - + 2002– 04/2016: Trưởng phòng kinh tế kế hoạch /Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó TGD Công ty cổ phần Sông Đà 9.
  - + 04/2016 – 02/2019: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần SCI.
  - + 02/2019 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần SCI.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

Trong đó:

- + Sở hữu: 0 cổ phần.
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

⚡ **Ông Đoàn Thế Anh - Thành viên HĐQT, kiêm phó Tổng Giám đốc**

- Ngày sinh: 26/02/1978.
- CMTND số : 034078000022 - cấp ngày 20/11/2017 - Nơi cấp: Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ thường trú: CT4-4, KĐT Mễ Trì Hạ, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- Trình độ văn hoá: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + 03/2001 – 08/2004: Kỹ sư giám sát thuộc Công ty liên doanh Xây dựng Việt Nam - Cu Ba (VIC);

- + 09/2004 – 08/2008: Phó ban quản lý dự án nhà máy thủy điện Tà Niết - CTCP thủy điện Tà Niết;
  - + 09/2008 – 10/2011: Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 908 – Công ty Cổ phần Sông Đà 9, trải qua các vị trí: Phó phòng thi công, Trưởng phòng thi công công trình thủy điện Sơn La và thủy điện Lai Châu;
  - + 11/2011 – 07/2012: Tổng đội thi công Núi Pháo-Công ty cổ phần Sông Đà 9, làm Phó tổng đội trưởng tổng đội thi công cơ giới Núi Pháo - Đại Từ - Thái Nguyên;
  - + 08/2012 - 10/2013: Chi nhánh Sông Đà 9.10 - Công ty cổ phần Sông Đà 9, làm Phó giám đốc thi công công trình đường cao tốc Hà Nội-Lào Cai, công trình Trạm biến áp 220KV Bảo Thắng -Lào Cai;
  - + 11/2013 - 06/2014: Giám đốc xây dựng - Ban điều hành gói thầu EPC bãi thải xỉ 2 - Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 2.
  - + 07/2014 - 06/2015: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Sông Đà 909.
  - + 06/2015 – 23/12/2015: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần SCI.
  - + 24/12/2015 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần SCI
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc.
  - Số cổ phần nắm giữ: 11.025 cổ phần.
- Trong đó:
- + Sở hữu: 0 cổ phần.
  - + Đại diện sở hữu: 11.025 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
  - Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
  - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.
- Ông Phạm Văn Nghĩa - Phó Tổng Giám đốc**
- Ngày sinh: 18/01/1975.
  - CMTND số : 013243492 - cấp ngày 30/10/2009 - Nơi cấp: CA Hà Nội
  - Quốc tịch: Việt Nam.
  - Địa chỉ thường trú: P1210-CT5-N4-KĐT Mỹ Đình 2- Nam Từ Liêm , Hà nội .
  - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công trình thủy lợi.
  - Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
    - + 07/1998 – 06/2002: Cán bộ Trung tâm Tư vấn 1 - Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà
    - + 06/2002 – 06/2010: Phó giám đốc Trung tâm tư vấn xây dựng 1, Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà.
    - + 06/2010 – 11/2017: Giám Trung tâm tư vấn xây dựng 1, Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà.
    - + 11/2017 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần SCI
  - Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng giám đốc.

- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.  
Trong đó:
  - + Sở hữu: 0 cổ phần.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

**Ông Nguyễn Văn Thắng – Kế toán trưởng**

- Ngày sinh: 11/05/1988
- Hộ chiếu số : B5906901 cấp ngày 10/10/2011
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ thường trú: Hùng Lô, Việt Trì, Phú Thọ.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán (Chuyên ngành Kiểm toán)
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + 07/2010 - 6/2012: Làm trợ lý kiểm toán viên tại Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.
  - + 09/2012 - 08/2016: Làm chuyên viên Kiểm toán nội bộ - Tập đoàn Viettel.
  - + 10/2016 - 08/2017: Kế toán trưởng Công ty TNHH SCI Nghệ An.
  - + Từ tháng 09/2017 đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần SCI.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng Công ty cổ phần SCI.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.  
Trong đó:
  - + Sở hữu: 0 cổ phần.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

**2.2 Cơ cấu nhân sự công ty và chế độ cho người lao động tại Công ty**

STT	Loại hình lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
	<b>Phân loại theo giới tính</b>		
1	Lao động Nam	13	59,91
2	Lao động Nữ	09	40,09
	<b>Tổng cộng</b>	<b>22</b>	<b>100,00</b>

	Phân loại theo trình độ		
1	Đại học và trên đại học	19	86,36
2	Cao đẳng và trung cấp	0	0
3	Lái xe, lái máy	2	9,09
4	Lao động phổ thông khác (nhà bếp)	1	4,55
	<b>Tổng cộng</b>	<b>22</b>	<b>100,00</b>

#### ☛ Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Công ty thực hiện làm việc 8h/ngày, 5,5 ngày/tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc theo nhiệm vụ sản xuất kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Chế độ bảo hiểm, nghỉ phép, nghỉ lễ, nghỉ tết, nghỉ ốm thai sản...: Công ty thực hiện trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định.

Thực hiện các ngày nghỉ theo đúng Bộ Luật lao động và hướng dẫn của Chính phủ đối với các kỳ nghỉ lễ, tết trong năm.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất và an toàn cho CBCNV.

#### ☛ Chính sách tuyển dụng thu hút nhân tài

Căn cứ kế hoạch nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm, Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự cho từng vị trí, yêu cầu có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc, ...

Với những chính sách tuyển dụng sát với yêu cầu thực tế công việc, trong năm qua Công ty đã thu hút và đang xây dựng được đội ngũ nhân lực có năng lực và kinh nghiệm từ nhiều nguồn khác nhau. Các CBCNV trẻ và năng động của Công ty cổ phần SCI luôn được trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm từ những chính sách đào tạo của Công ty. Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cấp kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ.

#### ☛ Chính sách khen thưởng, kỷ luật

Người lao động làm việc có hiệu quả cao, chất lượng phục vụ tốt, Ban Tổng giám đốc căn cứ vào kết quả lao động, quy chế của Công ty để xét thưởng.

### 3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

#### 3.1 Dự án Nhà máy thủy điện Canan 1.

a. Thông tin dự án:

- Địa điểm: Huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

- Quy mô công suất: 7 MW.

- Kế hoạch phát điện: Quý II/2019.
- b. Tình hình triển khai thủ tục pháp lý:
  - Hoàn thành ký kết hợp đồng thuê đất với UBND tỉnh Nghệ An ngày 25/06/2018; Hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
  - Hoàn thành Quy trình vận hành hồ chứa; Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp; Quy chế phối hợp vận hành hồ chứa với ban PCLB Kỳ Sơn; Phương án ứng phó thiên tai; Phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước.
  - Đang triển khai Phương án cấm mố chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ an toàn đập; Xin tích nước hồ chứa; Giấp phép xả nước thải vào nguồn nước; Giấy phép hoạt động điện lực.
- c. Công tác giải phóng mặt bằng: Đã hoàn thành.
- d. Công tác thiết kế.
  - Hoàn thành TKKT của dự án. Công tác TKBVTC đáp ứng tiến độ thi công công trình.
- e. Công tác thiết bị:
  - 80% thiết bị nhập khẩu đã về đến Công trường. Các thiết bị còn lại dự kiến về trong tháng 1 năm 2019.
  - Đã hoàn thành cung cấp và lắp đặt thiết bị trong nước.
- f. Công tác thi công xây lắp.
  - Hoàn thành 100% công tác xây dựng công trình chính,
  - Đang triển khai lắp đặt và hoàn thiện các công việc còn lại; dự kiến hoàn thành và phát điện trong tháng 4 năm 2019.

### **3.2 Dự án Nhà máy thủy điện Canan 2.**

- a. Thông tin dự án:
  - Địa điểm: Huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.
  - Quy mô công suất: 16 MW,
  - Tình hình triển khai: Dự án đã phát điện thương mại từ tháng 10 năm 2018.

### **3.3 Dự án thủy điện Nậm Lụm 2.**

- a. Thông tin dự án:
  - Địa điểm: Huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.
  - Quy mô công suất: 18 MW.
  - Kế hoạch phát điện: Quý IV năm 2021.
- b. Tình hình triển khai thủ tục pháp lý:
  - Hoàn thành phê duyệt chủ trương đầu tư dự án vào tháng 2 năm 2018. Hoàn thành phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tháng 11 năm 2018 (QĐ số 4288/QĐ-BCT ngày 14/11/2018), trình thẩm định hồ sơ cấp chủ trương đầu tư điều chỉnh.
  - Đang triển khai lập báo cáo ĐTM.

- Hoàn thành hồ sơ, trình thỏa thuận đấu nối vào lưới điện quốc gia với NPC.
- c. Công tác giải phóng mặt bằng: Triển khai các công tác đo vẽ, lập hồ sơ địa chính, thu thập các số liệu phục vụ công tác giải phóng mặt bằng – Đạt 80% khối lượng công việc.
- d. Công tác thiết kế.
  - Hoàn thành thỏa thuận hướng tuyến, hoàn thành công tác khảo sát và đang triển khai thiết kế đường dây 110kv.
  - Đang triển khai lập báo cáo nghiên cứu khả thi.

### 3.4 Dự án thủy điện Nậm Lùm 1.

- a. Thông tin dự án:
  - Địa điểm: Huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.
  - Quy mô công suất: 8 MW.
  - Kế hoạch phát điện: Quý II năm 2022.
- b. Tình hình triển khai:
  - Hoàn thành phê duyệt bổ sung quy hoạch dự án thủy điện Nậm Lùm 1 tại Bộ Công Thương tháng 11 năm 2018 (QĐ số 4275/QĐ-BCT ngày 14/11/2018).
  - Hoàn thành hồ sơ cấp chủ trương đầu tư trình UBND tỉnh Lai Châu phê duyệt.

### 3.5 Dự án Nhà máy thủy điện Nậm Xe.

- a. Thông tin dự án:
  - Địa điểm: Huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.
  - Quy mô công suất: 20 MW.
  - Kế hoạch phát điện: Quý II năm 2022.
- b. Tình hình triển khai:
  - Hoàn thành phê duyệt điều chỉnh quy hoạch dự án thủy điện Nậm Xe từ 11,6 MW lên 20MW, tại Bộ Công Thương tháng 9 năm 2018 (QĐ số 3268/QĐ-BCT ngày 10/09/2018).
  - Hoàn thành phê duyệt chủ trương đầu tư tại tỉnh Lai Châu tháng 12 năm 2018 (QĐ 16647/QĐ-UBND ngày 26/12/2018).

### 3.6 Các dự án thủy điện Mừng Luân 1 và Mừng Luân 2.

- a. Thông tin dự án:
  - Địa điểm: Huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.
  - Quy mô công suất: Mừng Luân 1 là 10MW; Mừng Luân 2 là 10MW.
  - Kế hoạch phát điện: Quý IV năm 2021.
- b. Tình hình triển khai:
  - Hoàn thành phê duyệt bổ sung quy hoạch thủy điện Mừng Luân 1 (công suất

10MW), Mường Luân 2 (công suất 10MW) với Bộ Công thương tháng 12 năm 2018 (QĐ4547/QĐ-BCT ngày 07/12/2018).

- Hoàn thành phê duyệt bổ sung phương án đầu nối các thủy điện Mường Luân 1, Mường Luân 2 vào quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 tại Bộ Công thương tháng 12 năm 2018 (QĐ 4756/QĐ-BCT ngày 24/12/2018).

- Hoàn thành hồ sơ cấp chủ trương đầu tư trình UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt.

### 3.7 Dự án điện gió tại Quảng Trị.

- Tháng 12 năm 2018 Công ty được UBND tỉnh Quảng Trị giao nghiên cứu lập hồ sơ bổ sung quy hoạch dự án điện gió tại xã Tân Thành, huyện Hướng Hóa. Đồng thời, Công ty đang hoàn thiện các thủ tục để xin UBND tỉnh Quảng trị giao nghiên cứu lập hồ sơ bổ sung quy hoạch dự án điện gió tại xã Hướng Việt, huyện Hướng Hóa.

## 4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 5.1 Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 40.790.714 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 40.790.714 cổ phần
- Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo pháp luật: 0 cổ phần

### 5.2 Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông theo danh sách do Trung tâm lưu ký chứng khoán chốt ngày 11/04/2019 như sau :

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ (%)
1	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>2.194</b>	<b>40.483.039</b>	<b>404.830.390.000</b>	<b>99.2%</b>
	- Cá nhân	2.167	35.073.429	350.734.290.000	86.0%
	- Tổ chức	27	5.409.610	54.096.100.000	13.3%
2	<b>Cổ đông ngoài nước</b>	<b>50</b>	<b>307.675</b>	<b>3.076.750.000</b>	<b>0.8%</b>
	- Cá nhân	49	307.479	3.074.790.000	0.8%
	- Tổ chức	1	196	1.960.000	0.0%
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>2.244</b>	<b>40.790.714</b>	<b>407.907.140.000</b>	<b>100%</b>

## III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
**1.1 Tổng quan về các chỉ tiêu chủ yếu năm 2018 theo báo cáo hợp nhất**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	% so với kế hoạch năm 2018
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	10 <sup>6</sup> đ	1.253.969	102
2	Doanh thu	10 <sup>6</sup> đ	847.997	85
3	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>6</sup> đ	80.500	-

**1.2 Đánh giá chung tình hình thực hiện các mục tiêu chủ yếu năm 2018**

Trong năm 2018, Công ty mẹ và các công ty con tiếp tục duy trì kết quả kinh doanh khả quan, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch đặt ra với tổng giá trị sản xuất kinh doanh 1.253 tỷ đồng, lợi nhuận hợp nhất đạt 80,5 tỷ đồng, lợi nhuận riêng Công ty mẹ đạt 22,3 tỷ đồng (đạt 147% kế hoạch); đây là những con số thể hiện bước tiến vững vàng của toàn Công ty. Đóng góp vào kết quả kinh doanh nổi bật là các ngành nghề mũi nhọn như thi công xây lắp, đầu tư các dự án thủy điện.

Về lĩnh vực thi công xây dựng, sản lượng đạt 1.253 tỷ đồng, tăng trưởng 20% so với năm 2017; Doanh thu đạt 840 tỷ đồng, đạt 84% kế hoạch, tăng trưởng 41% so với năm 2017. Việc cải tiến về công nghệ thi công, đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị của Công ty giúp cho năng suất lao động tăng cao đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình Công ty tham gia thi công đặc biệt nâng cao năng lực cạnh tranh khi tham gia đấu thầu. Công ty đã khẳng định được năng lực tại các dự án lớn ở trong nước và tại CHDCND Lào, đồng thời từng bước nghiên cứu thâm nhập thị trường xây dựng các nước Đông Nam Á.

**2. Tình hình tài chính tại Công ty**
**2.1 Tình hình tài sản**

TT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018
1	Tài sản ngắn hạn	746.853.247.759	942.470.405.357
2	Tài sản dài hạn	837.642.676.531	1.155.086.486.080
	<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.584.495.924.290</b>	<b>2.097.556.891.438</b>
4	Nợ phải trả	959.851.971.197	1.406.708.001.300
5	Vốn chủ sở hữu	624.643.953.093	690.848.890.138
	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>1.584.495.924.290</b>	<b>2.097.556.891.438</b>

Tại ngày 31/12/2018, Tổng tài sản của Công ty tăng mạnh so với đầu kỳ, cụ thể tăng từ 1.584,495 tỷ đồng lên 2.097,556 tỷ đồng, tăng hơn 513,060 tỷ đồng. Trong đó TSNH là

195,617 tỷ đồng, TSDH là 317,443 tỷ đồng. Quy mô tổng tài sản tăng đồng thời với sự dịch chuyển cơ cấu tài sản từ ngắn hạn sang dài hạn phản ánh sự thay đổi về chiến lược kinh doanh của Công ty, trong đó tập trung vào các dự án đầu tư có hiệu quả kinh tế cao, mang lại lợi ích lâu dài cho Công ty.

## 2.2 Tình hình nợ phải trả

TT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018
	Nợ ngắn hạn	616.380.286.546	854.935.459.406
	Nợ dài hạn	343.471.684.651	551.772.541.894
	<b>Nợ phải trả</b>	<b>959.851.971.197</b>	<b>1.406.708.001.300</b>

Trong cơ cấu nợ, Nợ dài hạn chiếm khoảng 40%, trong đó chủ yếu là khoản vay dài hạn phục vụ cho Dự án Xây dựng nhà máy Thủy điện Canan 1 và Canan 2. Tỷ lệ Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu của Công ty luôn duy trì và đảm bảo ở mức an toàn về tài chính.

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

“Chất lượng cho từng sản phẩm” luôn luôn là mục tiêu phấn đấu của Công ty cổ phần SCI, là uy tín, danh dự để công ty tồn tại và phát triển. Bằng những bước đi vững chắc, những điều Công ty muốn mang đến cho khách hàng mỗi ngày chính là sự tin tưởng cho từng dự án mọi lúc và mọi nơi. Công ty luôn không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng công trình cung cấp cho khách hàng, đặt lợi ích của khách hàng và cộng đồng lên hàng đầu.

Để đảm bảo được chất lượng tốt nhất cho mỗi công trình Công ty tạo ra, Công ty cam kết thiết lập và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng theo các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2015, và cải tiến thường xuyên tính hiệu lực của Hệ thống chất lượng.

Xây dựng, duy trì, phát triển đội ngũ nhân viên giàu nhiệt huyết, chuyên môn cao, làm việc chuyên nghiệp không ngừng phấn đấu vì mục tiêu chất lượng công trình.

## 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Định hướng và mục tiêu phát triển của Công ty cổ phần SCI là: xây dựng và phát triển Công ty trở thành doanh nghiệp mạnh đáp ứng các yêu cầu khắt khe về hội nhập kinh tế toàn cầu, là nhà thầu mạnh, nhà đầu tư hiệu quả góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Để thực hiện mục tiêu trên, đơn vị tập trung xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ có chuyên môn giỏi, công nhân có tay nghề cao đáp ứng kịp thời yêu cầu công việc và sự tăng trưởng của Công ty. Bên cạnh đó, đơn vị tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực máy móc thiết bị hợp lý trên cơ sở năng lực tài chính và yêu cầu của công việc.

Mục tiêu cụ thể như sau:

- Công ty tiếp tục giữ vững hoạt động sản xuất, chủ động tích cực tìm kiếm các cơ hội đầu tư, phát triển kinh doanh các ngành nghề nền tảng là năng lượng tái tạo, môi trường và hạ tầng.

- Nghiên cứu, xúc tiến đầu tư các dự án thủy điện, điện gió, điện mặt trời; đồng thời tiếp thị để tham gia các công tác tư vấn, tổng thầu thi công, tổng thầu EPC các dự án thủy điện, điện gió, điện mặt trời.

- Thi công xây dựng đáp ứng tiến độ, chất lượng các công trình đang thi công theo đúng các cam kết với Chủ đầu tư. Phấn đấu đưa nhà máy điện mặt trời Gelex Ninh Thuận hòa lưới điện quốc gia trong tháng 5 năm 2019, sớm hơn kế hoạch Chủ đầu tư giao là tháng 6 năm 2019.

Củng cố, phát triển Công ty theo định hướng 4 mảng hoạt động lớn gồm: Đầu tư xây dựng, Tư vấn xây dựng, Thi công xây dựng, Kinh doanh thương mại. Tại mỗi lĩnh vực hoạt động, Hội đồng Quản trị phân công các thành viên tăng cường giám sát, sát sao chỉ đạo các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, đảm bảo an toàn tài chính và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty**

HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Tổng Giám đốc và Ban điều hành các cấp trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2018 đã đề ra của Công ty. Mặc dù có một số chỉ tiêu chưa đạt so với kỳ vọng, tuy nhiên kết quả đạt được thể hiện bước tiến vững vàng của Công ty, sự cố gắng của các Công ty con.

Các quyết sách của Hội đồng quản trị được Ban Tổng giám đốc cũng như các Công ty con triển khai quyết liệt nhưng thận trọng, chắc chắn. Kết quả đạt được trên tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đã tiếp tục duy trì và củng cố được lòng tin từ đối tác, khách hàng, cổ đông.

Ban điều hành đã tạo được hiệu ứng làm việc sôi nổi, ra sức thi đua sản xuất kinh doanh và khí thế phấn khởi trong toàn Công ty. Trong thời gian tới Lãnh đạo các công ty cần kiện toàn và phát triển đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp cho công tác quản lý, triển khai các dự án và đặt biệt tại các dự án điện gió, điện mặt trời.

##### **2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

###### **2.1 Định hướng**

- Phê duyệt, bổ sung và chỉnh sửa tăng cường mở rộng mối quan hệ, tập trung tìm kiếm và chỉ đạo triển khai các dự án nhằm mục đích mở rộng hoạt động SXKD, tạo cơ hội tăng thu nhập cho CBCVN Công ty đồng thời khẳng định uy tín, tạo thương hiệu đối với các Chủ đầu tư;

- Ban hành các quy chế, quy trình làm việc của Công ty phù hợp với tình hình thực tế và xu hướng phát triển về quy mô và năng lực của Công ty;

- Chỉ đạo ổn định công tác tổ chức, phê duyệt cơ cấu mô hình tổ chức sản xuất của Công ty phù hợp với thực tế SXKD, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Công ty;

- Chiến lược đào tạo con người, đặc biệt công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và lực lượng lao động lành nghề đã được quan tâm hàng đầu, việc triển khai thực hiện đạt hiệu quả cao.

- Chỉ đạo, đôn đốc thực hiện triển khai các dự án đầu tư có hiệu quả: Xe máy, thiết bị thi công phục vụ các dự án công ty đang tham gia thi công và định hướng đầu tư phù hợp đảm bảo tiến độ và kế hoạch;

- Phân tích nhu cầu, định hướng đầu tư máy móc, thiết bị, vật tư phù hợp đảm bảo ổn định sản xuất.

## **2.2 Chỉ đạo thực hiện và kế hoạch hành động**

Năm 2019, toàn Công ty cần tập trung huy động mọi nguồn lực về tài chính, nhân lực, máy móc thiết bị, triển khai đồng bộ đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ sản xuất, với các mục tiêu và một số giải pháp trong từng lĩnh vực công tác sau:

### **2.2.1 Công tác thi công, thu hồi công nợ tại các công trình**

- Đảm bảo mục tiêu tiến độ các công trình: Thi công các công trình hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng công trình theo hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư, thu hồi nợ nhanh chóng theo tiến độ xây dựng.

- Tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu đầu tư các dự án năng lượng/thi công công trình xây lắp trong lĩnh vực giao thông hạ tầng.

### **2.2.2 Công tác đầu tư**

- Cân đối năng lực xe máy thiết bị hiện có và nhu cầu mở rộng SXKD, thực tế sản xuất, Tổng Giám đốc Công ty trình HĐQT phê duyệt các dự án đầu tư nhằm nâng cao năng lực thiết bị thi công hiện đại.

- Tiếp tục từng bước chắc chắn trong lĩnh vực đầu tư về thủy điện; hoàn thành hòa lưới điện dự án thủy điện Ca Nan 1, khởi công dự án thủy điện Nậm Lùm 2, khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án thủy điện tại tỉnh Lai Châu, Điện Biên, các dự án điện gió Hướng Việt, Tân Thành tại Quảng Trị.

- Nghiên cứu, xúc tiến đầu tư các dự án năng lượng; đồng thời tiếp thị để tham gia các công tác tư vấn, tổng thầu thi công, tổng thầu EPC các dự án năng lượng.

### **2.2.3 Công tác tiếp thị, đấu thầu**

- Tăng cường công tác tiếp thị, từng bước mở rộng thị trường để chuẩn bị cho kế hoạch SXKD năm 2019 và các năm tiếp theo;

- Nắm tình hình, chuẩn bị các điều kiện để tham gia đấu thầu những gói thầu thuộc các dự án lớn.

- Có báo cáo đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình triển khai các dự án trước đây trong tất cả các khâu (đấu thầu, đàm phán, ký kết hợp đồng với CĐT...) đảm bảo tối đa lợi nhuận thu được từ các dự án, công trình chuẩn bị thực hiện.

### **2.2.4 Công tác tổ chức, đổi mới doanh nghiệp**

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các phòng chức năng theo chuyên ngành nhằm giải quyết tốt các nghiệp vụ phát sinh; Củng cố và tăng cường lực lượng làm công tác thị trường và hồ sơ dự thầu các công trình;

- Phát động các phong trào thi đua hoàn thành các mục tiêu tiến độ trên các công trình đang thi công.

- Theo dõi, đánh giá việc áp dụng quy chế trả lương mới nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đóng góp cho công ty.

- Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản lý nội bộ cho phù hợp với pháp luật và thực tế hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu tối đa chi phí quản lý, nâng cao hiệu quả điều hành sản xuất;

- Xây dựng cẩm nang điều hành cho toàn bộ các lĩnh vực liên quan trong và ngoài lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Tiếp tục các hoạt động tái cấu trúc doanh nghiệp: xây dựng nguồn nhân lực, phát triển hình ảnh thương hiệu công ty, nâng năng lực cạnh tranh/đấu thầu trong nước và từng bước phát triển hoạt động đầu tư kinh doanh trên thị trường ngoài nước.

- Ban hành các nội quy quy chế tăng cường công tác quản trị vốn, hoạt động đầu tư dự án, đầu tư tài chính chuyên sâu và chuyên nghiệp, thống nhất áp dụng cho các công ty con

#### 2.2.5 Công tác Kinh tế - Kỹ thuật – Tài chính kế toán

- Quản lý chặt chẽ tiến độ, chất lượng các công trình thi công, duy trì và thực hiện nghiêm túc về việc giám sát thi công;

- Bám sát Chủ đầu tư để kịp thời giải quyết các vướng mắc về thiết kế, biện pháp thi công, dự toán để đẩy nhanh tiến độ thu vốn;

- Tập trung triển khai thi công đúng tiến độ các công trình nhằm hoàn thành xuất sắc kế hoạch các chỉ tiêu kinh tế đã đề ra;

- Các phòng thường xuyên kết hợp với các đội trong công tác thanh, quyết toán công trình đã và đang thi công;

- Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, sử dụng vốn hợp lý, kịp thời hạch toán bảo đảm phản ánh đúng tình hình, hiệu quả SXKD;

- Thu hồi công nợ: Đẩy nhanh tiến độ thu vốn, công nợ các hạng mục công trình đang thi công. Đôn đốc các đơn vị có liên quan hoàn tất thủ tục thanh toán dứt điểm công nợ tồn đọng.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc hoạt động và bảo đảm chế độ của mạng lưới an toàn viên. Triển khai kiểm tra việc thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn trong ngành xây dựng.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1 Thành viên HĐQT và cơ cấu của HĐQT

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch HĐQT	1.491.000	3.66	

2	Ông Lương Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	330.750	0.81	
3	Ông Nguyễn Minh Hùng	Thành viên HĐQT	59.115	0.14	
4	Ông Đoàn Thế Anh	Thành viên HĐQT	11.025	0.03	Kiểm Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên HĐQT	0	0	Kiểm Tổng Giám đốc

## 1.2 Hoạt động của Hội đồng quản trị

### 1.2.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	28/28	100%	
2	Ông Lương Thanh Tùng	Ủy viên	28/28	100%	
3	Ông Đoàn Thế Anh	Ủy viên	28/28	100%	
4	Ông Lê Việt Dũng	Ủy viên	10/10	100%	
5	Ông Nguyễn Minh Hùng	Ủy viên	18/18	100%	
6	Ông Nguyễn Văn Phúc	Ủy viên	28/28	100%	

### 1.2.2 Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị với Ban Tổng giám đốc

- Giám sát thực hiện các hoạt động đầu tư dự án, hoạt động sản xuất kinh doanh, thông qua kết quả SXKD hàng quý của Công ty.

- Lựa chọn và phê duyệt đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.

- Sửa đổi và phê duyệt ban hành các Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

- Phê duyệt và giám sát chỉ đạo thực hiện các dự án đầu tư của Công ty.

### 1.2.3 Các nghị quyết của Hội đồng quản trị

TT	Số nghị quyết	Ngày/tháng	Nội dung
1.	02/2018/NQ-SCI-HĐQT	03/01/2018	Thông qua bán 700.000 cổ phần của Cty Hạ tầng FeCon
2.	03/2018/NQ-SCI-HĐQT	06/01/2018	Phê duyệt Quy chế trả lương Công ty cổ phần SCI

TT	Số nghị quyết	Ngày/tháng	Nội dung
3.	04/2018/NQ-SCI-HĐQT	06/01/2018	Phê duyệt Quy chế trả thưởng năng suất Công ty cổ phần SCI
4.	09/2018/NQ-SCI-HĐQT	09/02/2018	Thông qua kết quả SXKD Quý IV, năm 2017 và Kế hoạch SXKD năm 2018, nhiệm vụ Quý I/2018
5.	13/2018/NQ-SCI-HĐQT	20/03/2018	Phê duyệt quy chế quản trị Website SCIGROUP
6.	17/2018/NQ-SCI-HĐQT	18/04/2018	Miễn nhiệm thành viên HĐQT Lê Việt Dũng
7.	18/2018/NQ-SCI-HĐQT	20/04/2018	Họp HĐQT thông qua kết quả Quý I/2018
8.	19/2018/NQ-SCI-HĐQT	21/05/2018	Thông qua chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
9.	23/2018/NQ-SCI-HĐQT	15/06/2018	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
10.	24/2018/NQ-SCI-HĐQT	15/06/2018	Thông báo giới thiệu nhân sự ứng cử, đề cử HĐQT nhiệm kỳ 2018-2022
11.	30/2018/NQ-SCI-ĐHĐCĐ	29/06/2018	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
12.	32/2018/NQ-SCI-HĐQT	03/07/2018	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2022
13.	34/2018/NQ-SCI-HĐQT	06/07/2018	Thông qua phê duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi (cụm công trình đầu mối) - dự án NMTĐ Canan 1
14.	34a/2018/NQ-SCI-HĐQT	20/07/2018	Nghị quyết kỳ họp thông qua kết quả SXKD QII, KH Quý III/2018
15.	34b/2018/NQ-SCI-HĐQT	20/07/2018	Thông qua phê duyệt điều chỉnh Thiết kế kỹ thuật và Tổng dự toán (Cụm công trình đầu mối) - Dự án Nhà máy thủy điện Canan 1
16.	35/2018/NQ-SCI-HĐQT	23/07/2018	Thông qua việc Lựa chọn đơn vị Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018
17.	37/2018/NQ-SCI-HĐQT	13/08/2018	Thông qua thay đổi Giám đốc Công ty TNHH SCI Nghệ An
18.	38/2018/NQ-SCI-HĐQT	13/08/2018	Cử người đại diện vốn của SCI tại SCI Nghệ An
19.	39/2018/NQ-SCI-HĐQT	18/08/2018	Thông qua phương án bảo lãnh tại BIDV Hà Tây
20.	40/2018/NQ-SCI-HĐQT	18/09/2018	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của năm 2017
21.	42/2018/NQ-SCI-HĐQT	18/10/2018	Thành lập Ban kiểm toán nội bộ Công ty cổ phần SCI
22.	44/2018/NQ-SCI-HĐQT	15/11/2018	Thông qua thay đổi Giám đốc, bổ nhiệm PGĐ Công ty CP Tư vấn SCI

TT	Số nghị quyết	Ngày/tháng	Nội dung
23.	46/2018/QĐ-SCI-HĐQT	16/11/2018	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2017, tăng vốn điều lệ và sửa Điều lệ Công ty
24.	47/2018/QĐ-SCI-HĐQT	20/11/2018	Cử người đoàn cán bộ đi công tác tại châu Âu
25.	48/2018/QĐ-SCI-HĐQT	30/11/2018	Thông qua phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, khối lượng biện pháp và dự toán Đường VH1 thuộc hạng mục: Đường vận hành, thi công Dự án Thủy điện Nậm Lụm 2
26.	49/2018/QĐ-SCI-HĐQT	06/12/2018	NQ về việc thanh lý xe ô tô bán tải Ford Everest BKS 30E - 74171
27.	49a/2018/NQ-SCI-HĐQT	20/12/2018	NQ về việc phê duyệt mô hình tổ chức bộ máy áp dụng cho các đơn vị trực tiếp quản lý các dự án đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện của Công ty
28.	50/2018/NQ-SCI-HĐQT	27/12/2018	NQ về việc thông qua phương án chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty CP SCI tại Công ty TNHH SCI Nghệ An

#### 1.2.4 Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Trong năm 2018, HĐQT có 1 ủy viên HĐQT độc lập là ông Nguyễn Minh Hùng. Ủy viên HĐQT độc lập thường xuyên tham gia trực tiếp vào các cuộc họp của HĐQT hàng quý, trực tiếp nắm bắt thông tin quản trị và báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm từ các bộ phận chuyên môn của Công ty.

## 2. Ban kiểm toán nội bộ

### 2.1 Thành viên Ban kiểm toán nội bộ

- |                           |              |                          |
|---------------------------|--------------|--------------------------|
| - Ông Nguyễn Minh Hùng    | - Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 18/10/2018 |
| - Bà Quách Thị Thanh Thủy | - Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 18/10/2018 |
| - Ông Quán Thanh Sơn      | - Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 18/10/2018 |

### 2.2 Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ:

- Hoạt động của Ban kiểm toán: Ban kiểm toán nội bộ đã trực tiếp nắm bắt thông tin quản trị và báo cáo tài chính hàng quý, năm từ các bộ phận chuyên môn của Công ty.

- Thực hiện đầy đủ công tác báo cáo, kiểm tra giám sát, thực hiện các quyền hạn và trách nhiệm đúng với quy chế và các quy định của pháp luật.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán: Chấp nhận toàn phần
- Báo cáo tài chính được kiểm toán (Đính kèm)



**Nơi nhận:**

- Công bố TT;
- Lưu VT, TCKT

TỔNG GIÁM ĐỐC   
  
Nguyễn Văn Phúc



Vietnam Auditing  
and Valuation  
Company Limited

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08-09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10-43

Đ.Đ.★M.S.D.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SCI (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018..

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	
Ông Lê Việt Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18/04/2018
Ông Lương Thanh Tùng	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên	
Ông Đoàn Thế Anh	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Hùng	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 29/06/2018

### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Phúc	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 28/02/2019
Ông Lương Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/02/2019
Ông Đoàn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

---

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



---

**Nguyễn Văn Phúc**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019*

Số: 452/BCKT/TC/NV8

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần SCI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần SCI (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2019, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



---

**Nguyễn Bảo Trung**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 0373-2018-126-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2019



---

**Mai Quang Hiệp**

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 1320-2018-126-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>942.470.405.357</b>	<b>746.853.247.759</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>97.293.471.046</b>	<b>56.831.673.722</b>
1. Tiền	111		80.293.471.046	56.831.673.722
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>35.807.642.100</b>	<b>83.985.584.192</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		47.864.249.391	89.094.323.061
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(12.306.607.291)	(5.358.738.869)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		250.000.000	250.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>473.675.373.528</b>	<b>352.669.892.515</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	330.149.556.613	264.262.048.579
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		76.729.924.850	57.440.325.171
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	31.000.000.000	14.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	66.875.220.703	40.684.165.735
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(31.079.328.638)	(23.716.646.970)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>304.792.995.405</b>	<b>210.322.479.528</b>
1. Hàng tồn kho	141		304.792.995.405	210.322.479.528
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>30.900.923.278</b>	<b>43.043.617.802</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	513.792.707	1.348.886.904
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		30.340.574.518	41.598.594.519
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	46.556.053	96.136.379
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.155.086.486.080</b>	<b>837.642.676.531</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>367.500.000</b>	<b>367.500.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	367.500.000	367.500.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>170.200.392.972</b>	<b>168.466.975.469</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	170.033.518.029	168.370.100.518
- Nguyên giá	222		305.571.439.959	273.690.234.490
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(135.537.921.930)	(105.320.133.972)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	166.874.943	96.874.951
- Nguyên giá	228		452.500.000	342.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(285.625.057)	(245.625.049)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>739.330.680.300</b>	<b>449.842.159.648</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		739.330.680.300	449.842.159.648
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>241.253.571.540</b>	<b>207.550.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		60.550.000.000	67.550.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		180.703.571.540	140.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.934.341.268</b>	<b>11.416.041.414</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	1.216.280.718	2.367.667.881
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	30.a	2.718.060.550	9.048.373.533
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.097.556.891.438</b>	<b>1.584.495.924.290</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.406.708.001.300</b>	<b>959.851.971.197</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>854.935.459.406</b>	<b>616.380.286.546</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	185.117.472.930	165.623.066.479
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	249.177.257.783	56.371.523.033
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	8.943.041.148	14.212.535.149
4. Phải trả người lao động	314		27.169.632.309	32.342.312.492
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	6.290.746.973	41.307.132.778
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	123.637.566.266	18.074.312.978
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	252.189.383.916	286.494.046.320
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.410.358.081	1.955.357.317
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>551.772.541.894</b>	<b>343.471.684.651</b>
1: Phải trả dài hạn khác	337	20	56.815.000	56.815.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	550.050.109.708	341.749.252.465
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	30.b	1.665.617.186	1.665.617.186
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>690.848.890.138</b>	<b>624.643.953.093</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>690.848.890.138</b>	<b>624.643.953.093</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		407.907.140.000	388.491.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		407.907.140.000	388.491.390.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		982.166.000	982.166.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.050.000.000	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.567.626.463	10.203.005.635
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		79.523.500.284	65.419.481.471
- LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước	421a		33.915.377.456	43.714.254.700
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		45.608.122.828	21.705.226.771
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		184.818.457.391	159.547.909.987
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.097.556.891.438</b>	<b>1.584.495.924.290</b>

Nguyễn Thị Tú Quỳnh  
Người lập

Nguyễn Văn Thắng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Phúc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**MẪU SỐ B 02-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	802.809.572.200	580.890.476.795
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		802.809.572.200	580.890.476.795
4. Giá vốn hàng bán	11	25	677.946.868.988	533.120.161.987
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		124.862.703.212	47.770.314.808
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	43.466.866.887	17.419.504.739
7. Chi phí tài chính	22	27	44.371.403.991	37.710.918.916
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		32.591.067.327	32.534.206.370
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	43.668.739.183	39.929.159.950
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		80.289.426.925	(12.450.259.319)
12. Thu nhập khác	31		1.720.962.056	1.697.283.695
13. Chi phí khác	32		1.510.310.524	1.626.771.487
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		210.651.532	70.512.208
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		80.500.078.457	(12.379.747.111)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	9.735.342.666	14.662.936.943
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	30.c	6.330.312.983	(8.479.679.670)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		64.434.422.808	(18.563.004.384)
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		46.103.122.827	(14.583.068.999)
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		18.331.299.981	(3.979.935.385)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.657	(478)

Nguyễn Thị Tú Quỳnh  
Người lập

Nguyễn Văn Thắng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Phúc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		80.500.078.457	(12.379.747.111)
6. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		32.362.700.157	26.963.230.795
- Các khoản dự phòng	03		14.310.550.090	(1.261.611.328)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(18.035.433)	(1.309.624)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(22.702.940.062)	(59.371.376.667)
- Chi phí lãi vay	06		32.591.067.327	32.534.206.370
14 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		137.043.420.536	(13.516.607.565)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(90.317.540.468)	(180.813.659.451)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(94.470.515.877)	(41.460.760.543)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		185.396.545.642	173.204.487.607
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.986.481.360	6.396.853.383
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		41.230.073.670	(48.181.721.500)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(32.173.227.041)	(32.178.288.623)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(16.108.894.094)	(6.410.101.265)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(196.200.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		132.390.143.729	(142.959.797.957)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(230.549.217.430)	(193.242.365.134)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	2.012.272.725
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(177.703.571.540)	(14.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		120.000.000.000	14.200.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		22.328.247.727	15.913.668.265
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(265.924.541.243)	(175.116.424.144)
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.148.014.804.098	992.034.844.102
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(974.018.609.259)	(680.789.681.717)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		173.996.194.839	311.245.162.385

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		40.461.797.325	(6.831.059.716)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		56.831.673.722	63.661.423.814
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	1.309.624
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	<u>97.293.471.047</u>	<u>56.831.673.722</u>



Nguyễn Thị Tú Quỳnh  
Người lập



Nguyễn Văn Thắng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Phúc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần SCI (tiền thân là Công ty Cổ phần Sông Đà 909) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 25 tháng 12 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 407.907.140.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 407.907.140.000 đồng; tương đương 40.790.714 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ cho thuê máy móc xây dựng.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác: Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực.

**Cấu trúc Tập đoàn****Tổng số công ty con:**

- Số lượng công ty con được hợp nhất: 04 Công ty;
- Số lượng công ty con không được hợp nhất: 0 Công ty.

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2018 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần SCI E&C	Hà Nội	60,50%	60,50%	Xây dựng và các hoạt động liên quan đến xây dựng
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Nghệ An	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Hà Nội	65,00%	96,00%	Khảo sát, tư vấn thiết kế
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Lai Châu	99,81%	99,81%	Sản xuất và kinh doanh điện năng

**2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó..

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính*****Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Tài sản cố định khác	20	năm

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao****Phần mềm máy tính**

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng và dựa trên thời gian sử dụng hữu ích.



**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi năm tài chính được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

**Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**Trái phiếu phát hành**

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**Doanh thu****Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

***Giá vốn hàng bán***

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm

***Chi phí tài chính***

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	7.796.187.094	3.867.555.635
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	72.497.283.952	51.490.618.087
Tiền đang chuyển	-	1.473.500.000
Các khoản tương đương tiền	17.000.000.000	-
	<b>97.293.471.046</b>	<b>56.831.673.722</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND
Đầu tư ngắn hạn	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000
Đầu tư dài hạn	180.703.571.540	180.703.571.540	140.000.000.000	140.000.000.000
Trái phiếu	180.703.571.540	180.703.571.540	140.000.000.000	140.000.000.000
	<b>180.953.571.540</b>	<b>180.953.571.540</b>	<b>140.250.000.000</b>	<b>140.250.000.000</b>

**b) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tổng giá trị cổ phiếu	47.864.249.391	35.557.642.100	89.094.323.061	105.715.138.700
GEX	38.346.878.822	30.013.250.000	70.041.671.500	91.116.957.000
PCT	-	-	9.535.280.992	10.439.550.000
SDA	7.410.000.000	4.419.996.600	7.410.000.000	2.686.664.600
VTX	1.475.610.000	1.072.276.600	1.475.610.000	1.377.236.000
Cổ phiếu khác	631.760.569	52.118.900	631.760.569	94.731.100
	<b>47.864.249.391</b>	<b>35.557.642.100</b>	<b>89.094.323.061</b>	<b>105.715.138.700</b>
				Dự phòng VND
				(5.358.738.869)
				-
				(4.723.335.400)
				(98.374.000)
				(537.029.469)
				<b>(5.358.738.869)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác	60.550.000.000	60.550.000.000	-	67.550.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	550.000.000	550.000.000	-	550.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	30.000.000.000	30.000.000.000	-	37.000.000.000
Quỹ đầu tư, khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam (*)	30.000.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000
	<b>60.550.000.000</b>	<b>60.550.000.000</b>	-	<b>67.550.000.000</b>

**Đầu tư vào đơn vị khác**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2018 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	Hà Nội	14,29%	14,29%	Phát triển dự án, thi công thủy điện
Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	Hà Nội	30,00%	30,00%	Đầu tư tài chính
Quỹ đầu tư, khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam (*)	Hà Nội			

(\*) Theo biên bản thỏa thuận góp vốn ngày 03/09/2015 về việc thành lập Quỹ đầu tư, khám phá giá trị ngân hàng Công thương Việt Nam giữa các bên là Công ty Cổ phần SCI, Công ty Cổ phần Chứng khoán IB, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện và Công ty Cổ phần FTG Việt Nam như sau:

- Thời gian hoạt động của quỹ: 05
- Tổng vốn góp: 100 tỷ đồng;
- Vốn góp cam kết của SCI: 30 tỷ
- Lĩnh vực đầu tư: Cổ phiếu niêm yết, các cổ phiếu chưa niêm yết, các doanh nghiệp IPO, các doanh nghiệp thoái vốn Nhà nước, trở thành cổ đông lớn trong các doanh nghiệp đầu tư.

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Liên danh CMC/ITD/Sông Đà	96.936.151.346	26.574.835.987
Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La	16.845.809.348	20.514.021.208
Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	11.279.155.292	22.313.695.966
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	67.107.390.015	125.928.923.363
Công ty TNHH MTV năng lượng GELEX	121.039.547.059	-
Công ty TNHH Xây dựng Chicharueune	1.819.890.145	16.013.291.948
Các khoản phải thu khách hàng khác	15.121.613.408	52.917.280.107
	<b>330.149.556.613</b>	<b>264.262.048.579</b>

**8 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần DVC Việt Nam <sup>(1)</sup>	21.000.000.000	14.000.000.000
Công ty CP Đầu tư nước sạch và môi trường ECO&MORE <sup>(2)</sup>	10.000.000.000	-
	<b>31.000.000.000</b>	<b>14.000.000.000</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho Công ty Cổ phần DVC Việt Nam vay**

(1) Hợp đồng vay vốn số 11/2017/HĐTD ngày 04/07/2017 với các nội dung sau:

- + Số tiền cho vay: 14.000.000.000 đồng
- + Thời hạn của hợp đồng: 03 tháng kể từ ngày 04/07/2017 đến 03/10/2017;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất cố định 4,9%/năm.
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay đảm bảo bằng hình thức tín chấp.

Hợp đồng vay vốn số 01/2018/HĐTD ngày 12/07/2018 với các nội dung sau:

- + Số tiền cho vay: 7.000.000.000 đồng
- + Thời hạn của hợp đồng: 03 tháng kể từ ngày 12/07/2018 đến 11/10/2018;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất cố định 4,9%/năm.
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay đảm bảo bằng hình thức tín chấp.

(2) Hợp đồng vay vốn số .../HDV/S99-ECO ngày 28/12/2018 với các nội dung sau:

- + Số tiền cho vay: 10.000.000.000 đồng
- + Thời hạn của hợp đồng: 03 tháng kể từ ngày 28/12/2018;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất cố định 10%/năm.
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay đảm bảo bằng hình thức tín chấp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**9 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.007.003.446	-	7.632.311.111	-
Phải thu người lao động	1.754.602.644	-	1.154.106.227	-
Phải thu về kinh phí công đoàn	6.451.250	-	6.451.250	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	23.087.237	-	3.262.345	-
Tạm ứng	21.106.107.845	-	9.673.124.191	-
Ký cược, ký quỹ	1.906.866.568	-	19.500.000	-
Công ty Hitec	1.298.150.000	-	-	-
Phải thu tiền giao dịch tại các Công ty chứng khoán	-	-	38.304.270	-
Phải thu vật tư tạm ứng cho thầu phụ	3.345.213.800	-	2.607.389.570	-
Thuế nhà thầu Công trình NamThaun Lào	343.770.010	-	1.651.087.692	-
Phải thu tiền điện, thuế tài nguyên nước và dịch vụ môi trường rừng-tháng 12/2018	8.496.385.394	-	-	-
Phải thu khác	20.587.582.509	(4.939.698.164)	17.898.629.079	(4.939.698.164)
	<b>66.875.220.703</b>	<b>(4.939.698.164)</b>	<b>40.684.165.735</b>	<b>(4.939.698.164)</b>
<b>b) Phải thu dài hạn khác</b>				
Ký cược, ký quỹ	367.500.000	-	367.500.000	-
	<b>367.500.000</b>	<b>-</b>	<b>367.500.000</b>	<b>-</b>

**10 . NỢ XẤU**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<i>Ban điều hành Dự án thủy điện Sơn La</i>	16.024.045.596	3.381.152.533	16.024.045.596	8.809.179.698
<i>Công ty CP Xây lắp và phát triển Thành Nam</i>	6.248.083.094	1.874.424.928	6.248.083.094	3.124.041.547
<i>Công ty CP Xây dựng Dịch vụ và Thương mại 68</i>	3.425.189.422	1.027.556.827	3.425.189.422	1.712.594.711
<i>Đối tượng khác</i>	16.105.697.091	4.440.552.277	16.105.697.091	4.440.552.277
	<b>41.803.015.203</b>	<b>10.723.686.565</b>	<b>41.803.015.203</b>	<b>18.086.368.233</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018**11 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	4.989.780.454	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	50.012.429.910	-	22.003.317.574	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	249.790.785.041	-	188.319.161.954	-
	<b>304.792.995.405</b>	<b>-</b>	<b>210.322.479.528</b>	<b>-</b>

**12 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>727.444.625.753</b>	<b>449.842.159.648</b>
Dự án Nhà máy Thủy điện Mường Luân, Điện Biên	2.360.144.546	1.832.871.818
Dự án Nhà máy Thủy điện Ca Nan	710.056.272.711	444.822.186.575
Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Xe	1.372.017.149	1.588.955.838
Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Lum	13.656.191.347	1.598.145.417
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>11.886.054.547</b>	-
Mua sắm tài sản cố định mới	11.886.054.547	-
	<b>739.330.680.300</b>	<b>449.842.159.648</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Nguyên giá</b>											
Tại ngày 01/01/2018	11.221.128.927	162.079.861.267	99.704.434.652	684.809.644	-	273.690.234.490					
Mua sắm	-	30.563.762.103	3.663.285.606	88.200.000	136.000.000	34.451.247.709					
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.922.727.272)	(647.314.968)	-	-	(2.570.042.240)					
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>11.221.128.927</b>	<b>190.720.896.098</b>	<b>102.720.405.290</b>	<b>773.009.644</b>	<b>136.000.000</b>	<b>305.571.439.959</b>					
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>											
Tại ngày 01/01/2018	6.798.165.240	57.176.581.337	40.860.240.737	485.146.658	-	105.320.133.972					
Trích khấu hao	278.835.897	20.299.192.955	11.649.976.081	90.161.884	4.533.332	32.322.700.149					
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.457.597.223)	(647.314.968)	-	-	(2.104.912.191)					
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>7.077.001.137</b>	<b>76.018.177.069</b>	<b>51.862.901.850</b>	<b>575.308.542</b>	<b>4.533.332</b>	<b>135.537.921.930</b>					
<b>Giá trị còn lại</b>											
Tại ngày 01/01/2018	4.422.963.687	104.903.279.930	58.844.193.915	199.662.986	-	168.370.100.518					
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>4.144.127.790</b>	<b>114.702.719.029</b>	<b>50.857.503.440</b>	<b>197.701.102</b>	<b>131.466.668</b>	<b>170.033.518.029</b>					

*Trong đó:*

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 129.854.851.644 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 27.274.978.696 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018**14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Nhãn hiệu, thương hiệu	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2018	250.000.000	92.500.000	342.500.000
Mua sắm	-	110.000.000	110.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>250.000.000</b>	<b>202.500.000</b>	<b>452.500.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2018	153.125.049	92.500.000	245.625.049
Trích khấu hao	12.500.004	27.500.004	40.000.008
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>165.625.053</b>	<b>120.000.004</b>	<b>285.625.057</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2018	96.874.951	-	96.874.951
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>84.374.947</b>	<b>82.499.996</b>	<b>166.874.943</b>

**15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	116.715.401	963.531.862
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	397.077.306	385.355.042
	<b>513.792.707</b>	<b>1.348.886.904</b>
<b>b) Chi phí trả trước dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa văn phòng	65.790.474	703.269.941
Chi phí xường đúc cọc Long Phú	-	176.621.958
Công cụ dụng cụ xuất dùng	848.674.088	1.223.887.093
Chi phí trả trước dài hạn khác	301.816.156	263.888.889
	<b>1.216.280.718</b>	<b>2.367.667.881</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018**16 . PHẢI NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP DVC Việt Nam	9.632.822.297	9.632.822.297	12.605.286.378	12.605.286.378
Công ty TNHH DONARCO	98.442.300	98.442.300	16.058.148.425	16.058.148.425
Công ty TNHH Hoàng Sơn Fly Ash And Cement	7.625.390.000	7.625.390.000	17.810.692.800	17.810.692.800
Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp Tân Hoàng Mai	5.423.949.334	5.423.949.334	11.095.369.161	11.095.369.161
Voith Hydro Private Limited	10.704.816.303	10.704.816.303	11.512.148.442	11.512.148.442
Công ty TNHH PETRO Lào	14.159.040.009	14.159.040.009	14.159.040.009	14.159.040.009
FUJIAN ANTAI NEW ENERGY TECH CO.,LTD	4.625.880.401	4.625.880.401	-	-
FURUKAWA ROCK DRILL CO.,LTD	10.213.681.600	10.213.681.600	-	-
GCL SYSTEM INTEGRATION TECHNOLOGY PTE.LTD	29.330.130.544	29.330.130.544	-	-
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thành Vinh Liên danh	2.012.608.872	2.012.608.872	-	-
CMC/ITD/Sông Đà	11.890.069.484	11.890.069.484	-	-
Công ty TNHH XD Sơn Hải	8.955.390.373	8.955.390.373	-	-
Các khoản phải trả khác	70.445.251.413	70.445.251.413	82.382.381.264	82.382.381.264
	<b>185.117.472.930</b>	<b>185.117.472.930</b>	<b>165.623.066.479</b>	<b>165.623.066.479</b>

**17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	17.806.239.748	54.398.244.034
Công ty TNHH MTV năng lượng GELEX (CĐT Ninh Thuận)	219.300.578.059	-
BQL DA điện lực dầu khí Long Phú 1	6.182.280.540	-
Công ty CP ECOBA Việt Nam	4.651.862.573	-
Khách hàng khác	1.236.296.863	1.973.278.999
	<b>249.177.257.783</b>	<b>56.371.523.033</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	7.120.846		179.503.041		100.003.577.136		99.748.200.841		-		427.758.490	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-		-		39.861.960		39.861.960		-		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		13.667.729.140		9.735.342.666		16.108.894.094		-		7.294.177.712	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		320.507.918		1.919.821.486		1.863.539.487		-		376.789.917	
Thuế Tài nguyên	-		-		719.328.143		220.808.520		-		498.519.623	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	89.015.533		-		42.459.480		-		46.556.053		-	
Các loại thuế khác	-		5.190.507		-		-		-		5.190.507	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		39.604.543		312.000.356		11.000.000		-		340.604.899	
	<b>96.136.379</b>		<b>14.212.535.149</b>		<b>112.772.391.227</b>		<b>117.992.304.902</b>		<b>46.556.053</b>		<b>8.943.041.148</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.303.470.532	885.630.246
Trích trước chi phí các công trình	4.667.505.119	39.906.502.532
Chi phí phải trả khác	319.771.322	515.000.000
	<b>6.290.746.973</b>	<b>41.307.132.778</b>

**20 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Kinh phí công đoàn	830.869.182	692.108.309
Bảo hiểm xã hội	8.373.745	50.878.513
Bảo hiểm thất nghiệp	177.052	2.175.960
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	3.492.319.120	8.604.169.551
Thù lao Hội đồng quản trị và BKS	324.874.788	593.400.000
Liên danh chủ đầu tư công trình Namtheun (JV)	19.101.650.971	4.306.819.108
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	92.610.000.000	-
Phải trả vật tư tạm nhập trong kỳ	338.671.454	1.280.598.517
Tiền thuế GTGT đầu ra, phí dịch vụ môi trường rừng và thuế tài nguyên tiền điện tháng 12	1.503.786.770	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.426.843.184	2.544.163.020
	<b>123.637.566.266</b>	<b>18.074.312.978</b>
<b>b) Phải trả dài hạn khác</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	56.815.000	56.815.000
	<b>56.815.000</b>	<b>56.815.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**21 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	182.297.878.260	182.297.878.260	873.939.898.098	830.207.069.834	226.030.706.524	226.030.706.524
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây <sup>(1)</sup>	144.041.428.661	144.041.428.661	813.572.099.910	761.221.463.986	196.392.064.585	196.392.064.585
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh <sup>(2)</sup>	24.256.449.599	24.256.449.599	32.867.798.188	48.485.605.848	8.638.641.939	8.638.641.939
- Công ty CP DVC Việt Nam <sup>(3)</sup>	14.000.000.000	14.000.000.000	7.000.000.000	-	21.000.000.000	21.000.000.000
- Vay ngắn hạn cá nhân	-	-	20.500.000.000	20.500.000.000	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	104.196.168.060	104.196.168.060	33.234.048.757	111.271.539.425	26.158.677.392	26.158.677.392
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	6.548.250.000	6.548.250.000	8.135.717.500	7.126.593.500	7.557.374.000	7.557.374.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	12.647.918.060	12.647.918.060	23.748.331.257	18.694.945.925	17.701.303.392	17.701.303.392
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	-	-	1.350.000.000	450.000.000	900.000.000	900.000.000
- Trái phiếu thường	85.000.000.000	85.000.000.000	-	85.000.000.000	-	-
	<b>286.494.046.320</b>	<b>286.494.046.320</b>	<b>907.173.946.855</b>	<b>941.478.609.259</b>	<b>252.189.383.916</b>	<b>252.189.383.916</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**21 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây <sup>(4)</sup>	341.749.252.465	341.749.252.465	274.074.906.000	65.774.048.757	550.050.109.708	550.050.109.708
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh <sup>(5)</sup>	32.236.985.940	32.236.985.940	21.559.736.229	23.748.331.257	30.048.390.912	30.048.390.912
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh HCM <sup>(6)</sup>	11.820.967.687	11.820.967.687	5.783.435.000	8.135.717.500	9.468.685.187	9.468.685.187
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội <sup>(7)</sup>	297.691.298.838	297.691.298.838	242.295.968.471	32.540.000.000	507.447.267.309	507.447.267.309
	-	-	4.435.766.300	1.350.000.000	3.085.766.300	3.085.766.300
	<b>341.749.252.465</b>	<b>341.749.252.465</b>	<b>274.074.906.000</b>	<b>65.774.048.757</b>	<b>550.050.109.708</b>	<b>550.050.109.708</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

**21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

STT	Ngân hàng/Hợp đồng vay	Hạn mức	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018	Phương thức đảm bảo tiền vay
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	700.000.000.000	Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của từng thời kỳ	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC	Kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/05/2019	194.526.882.930	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
-	Hợp đồng tín dụng số 01/2018/283367/HĐTDHM ngày 07/05/2018						
-	Hợp đồng tín dụng số 01/2018/283367/HĐTDHM ngày 07/05/2018 - Vay 79.879,30 USD	79.879,3 USD	Lãi suất cố định là 5,2%/năm	Thanh toán mua thiết bị nhập khẩu	8 tháng kể từ ngày 29/11/2018	1.865.181.655	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	50.000.000.000	Lãi suất vay được quy định cụ thể cho từng hợp đồng	Tài trợ các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ, phục vụ hoạt động thi công, xây lắp công trình	Thời hạn cấp tín dụng đến 14/09/2019	8.638.641.939	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
-	Hợp đồng tín dụng số 18153/HMCMV/HĐYTD.DAH ngày 14/09/18						
3	Công ty CP DVC Việt Nam	10.000.000.000	Lãi suất cố định là 5%/năm	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Kỳ hạn 03 tháng và tự động gia hạn	10.000.000.000	Tin chấp
-	Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/2017 ngày 04/07/2017						
-	Hợp đồng vay vốn số 02/HĐVV/2017 ngày 19/09/2017	4.000.000.000	Lãi suất cố định là 5%/năm	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Kỳ hạn 03 tháng và tự động gia hạn	4.000.000.000	Tin chấp
-	Hợp đồng vay vốn số 01/2018/HĐYTD ngày 20/06/18	7.000.000.000	Lãi suất cố định là 5%/năm	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Kỳ hạn 03 tháng và tự động gia hạn	7.000.000.000	Tin chấp

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

MÃ SỐ B 09-DN

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018	Phương thức bảo đảm tiền vay
4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây						
-	Hợp đồng tín dụng số 04/2014/283367/HỆTD ngày 18/12/2014	6.195.600.000	Lãi suất ban đầu là 11%/năm, sau được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Đầu tư dự án nâng cao thiết bị thi công năm 2014 (giai đoạn 6)	60 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên	1.470.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
-	Hợp đồng tín dụng số 02/2015/283367/HỆTD ngày 11/08/2015	11.470.014.114	Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2015	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	4.060.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
-	Hợp đồng tín dụng số 03/2015/283367/HỆTD ngày 28/09/2015	3.111.500.000	Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2015 (Giai đoạn 2)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	637.028.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
-	Hợp đồng tín dụng số 03/2016/283367/HỆTD ngày 31/08/2016	8.075.200.000	Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2016 (Giai đoạn 2)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	4.295.200.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
-	Hợp đồng tín dụng số 03/2016/283367/HỆTD ngày 14/10/2016	4.235.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 31/12/2016, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2016 (Giai đoạn 2.2)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	2.310.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
-	Hợp đồng tín dụng số 04/2016/283367/HỆTD ngày 03/11/2016	13.571.293.400	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 31/12/2016, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2016 (Giai đoạn 3.1)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	6.105.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn (tiếp):**

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

**MÃ SỐ B 09-DN**

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay		Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018	Phương thức bảo đảm tiền vay
4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (tiếp)							
-	Hợp đồng tín dụng số 02/2017/283367/HĐTĐ ngày 05/06/2017	8.000.000.000		Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 30/06/2017, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2017 (Giai đoạn 1)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	4.648.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
-	Hợp đồng tín dụng số 03/2017/283367/HĐTĐ ngày 16/06/2017	642.000.000		Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 30/06/2017, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua ô tô Ford Ranger Wildtrak 3.2	36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	324.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
-	Hợp đồng tín dụng số 03/2017/283367/HĐTĐ ngày 07/11/2017	20.847.629.925		Lãi suất cố định 10,5%/năm đến hết 31/12/2017, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2017 (Giai đoạn 2.2)	36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	16.528.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
-	Hợp đồng tín dụng số 02/2018/283367/HĐTĐ ngày 12/06/2018	17.278.800.000		Áp dụng lãi suất cho vay là 10.0%/năm đến hết ngày 30/09/2018, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm máy móc thiết bị thi công theo Dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018-4	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	4.672.666.304	Tài sản hình thành từ vốn vay
-	Hợp đồng tín dụng số 01/2018/283367/HĐTĐ ngày 27/03/2018	8.500.000.000		Áp dụng lãi suất cho vay là 10.0%/năm đến hết ngày 30/06/2018, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm máy móc thiết bị thi công theo Dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018-2.	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	2.699.800.000	Tài sản hình thành từ vốn vay

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn (tiếp):**

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018	Phương thức bảo đảm tiền vay
5	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh						
-	Hợp đồng vay số 15189/TH/HĐTĐ.DAH ngày 26/08/2015	882.000.000	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, được thay đổi 03 tháng/lần	Mua tổ hợp 01 đầu kéo và 01 Somi Romooc	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	310.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
-	Hợp đồng vay số 16135/TH/HĐTĐ.DAH ngày 30/05/2016	26.000.000.000	Trước 31/03/2017, áp dụng lãi suất cố định, sau áp dụng thả nổi, 03 tháng/lần	Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng liên quan đến việc đầu tư dự án	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	7.527.967.687	Tài sản hình thành từ vốn vay
-	Hợp đồng vay số 17293/TH/HĐTĐ.DAH ngày 21/05/2018	22.638.000.000	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, lãi suất hiện tại là: 9,2%/ năm	Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng liên quan đến việc đầu tư dự án	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	5.205.091.500	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
-	Hợp đồng tín dụng số 16008/TH/HĐTĐ.DAH ngày 19/02/2016	12.750.000.000	Bù đắp tiền mua máy móc thiết bị, phương tiện vận tải đã đầu tư.	Thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Áp dụng lãi suất cố định 9%/năm và lãi suất thả nổi tùy theo thời điểm nhận nợ	3.983.000.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
6	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh HCM						
-	Hợp đồng cho vay Dự án đầu tư số 17.2680030/2017- HĐCVDADT/NHCT900- SOVICO NGHEAN	567.982.000.000	Thanh toán chi phí đầu tư Dự án thủy điện Ca Nan 1 và Ca Nan 2	14 năm kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản vay đầu tiên	Lãi suất vay được quy định tại từng lần nhận nợ và được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ	507.447.267.309	Tài sản hình thành từ vốn vay



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI  
Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Năm 2017</b>														
Tại ngày 01/01/2017	388.491.390.000	982.166.000	-	-	-	9.226.367.080	42.692.268.458	58.684.462.101	500.076.653.639					
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	120.000.000	120.000.000					
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(14.583.068.999)	(3.979.935.385)	(18.563.004.384)					
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	282.664.891	(433.419.500)	(144.842.663)	(295.597.272)					
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(2.450.000.000)	(2.450.000.000)					
Thay đổi do tăng tỷ lệ lợi ích tại Công ty SCI E&C	-	-	-	-	-	693.973.664	2.630.800.402	(12.634.774.066)	(9.310.000.000)					
Thay đổi do giảm tỷ lệ lợi ích tại Công ty SCI Nghệ An	-	-	-	-	-	-	36.015.000.000	120.050.000.000	156.065.000.000					
Thù lao BKS và HĐQT không chuyên trách	-	-	-	-	-	-	(861.000.000)	(147.000.000)	(1.008.000.000)					
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	50.000.000	50.000.000					
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(41.098.890)	-	(41.098.890)					
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>388.491.390.000</b>	<b>982.166.000</b>	-	-	-	<b>10.203.005.635</b>	<b>65.419.481.471</b>	<b>159.547.909.987</b>	<b>624.643.953.093</b>					
<b>Năm 2018</b>														
Tại ngày 01/01/2018	388.491.390.000	982.166.000	-	-	-	10.203.005.635	65.419.481.471	159.547.909.987	624.643.953.093					
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	46.103.122.827	18.331.299.981	64.434.422.808					
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	1.364.620.828	(1.875.404.015)	(390.702.577)	(901.485.764)					
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	19.415.750.000	-	-	-	-	-	(19.415.750.000)	-	-					
Thù lao BKS và HĐQT không chuyên trách	-	-	-	-	-	-	(708.000.000)	-	(708.000.000)					
Khác	-	-	-	-	-	0	(9.999.950.000)	7.329.950.000	3.380.000.000					
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>407.907.140.000</b>	<b>982.166.000</b>	-	-	-	<b>11.567.626.463</b>	<b>79.523.500.283</b>	<b>184.818.457.391</b>	<b>690.848.890.137</b>					

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>31/12/2018</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>01/01/2018</u>
	(%)	VND	(%)	VND
Vốn góp của các cổ đông	100%	407.907.140.000	100,00%	388.491.390.000
	<b>100%</b>	<b>407.907.140.000</b>	<b>100%</b>	<b>388.491.390.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	407.907.140.000	388.491.390.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	388.491.390.000	388.491.390.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	19.415.750.000	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	407.907.140.000	388.491.390.000

**d) Cổ phiếu**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.790.714	38.849.139
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	40.790.714	38.849.139
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.790.714	38.849.139
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.790.714	38.849.139
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.790.714	38.849.139
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	11.567.626.463	10.203.005.635
	<b>11.567.626.463</b>	<b>10.203.005.635</b>

**23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Ngoại tệ các loại**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Đồng đô la Mỹ (USD)	541,53	540,92

**24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	45.429.988.570	25.892.632.660
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.757.682.726	10.964.576.210
Doanh thu hợp đồng xây dựng	754.621.900.904	544.033.267.925
- <i>Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong năm</i>	754.621.900.904	544.033.267.925
	<b>802.809.572.200</b>	<b>580.890.476.795</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	44.771.902.788	24.144.986.374
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.957.573.011	6.429.159.808
Giá vốn hợp đồng xây dựng	630.217.393.189	502.567.053.337
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(21.037.532)
	<b>677.946.868.988</b>	<b>533.120.161.987</b>

**26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	21.884.891.262	16.356.707.268
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	485.780.500
Lãi bán các khoản đầu tư	19.072.920.630	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	818.048.800	400.418.500
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.672.970.762	175.288.847
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	18.035.433	1.309.624
	<b>43.466.866.887</b>	<b>17.419.504.739</b>

**27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	32.591.067.327	32.534.206.370
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	1.512.777.779
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	3.501.068.600	3.690.596.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	171.315.601	122.031.846
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	6.947.868.422	(1.122.314.200)
Chi phí tài chính khác	1.160.084.041	973.621.121
	<b>44.371.403.991</b>	<b>37.710.918.916</b>

**28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.226.089.226	5.309.549.629
Chi phí nhân công	18.916.662.113	17.273.420.941
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.141.630.798	1.735.637.021
Thuế, phí, lệ phí	2.345.100.962	932.861.442
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	7.362.681.668	(118.259.596)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.125.674.445	7.786.558.919
Chi phí khác bằng tiền	4.550.899.971	7.009.391.594
	<b>43.668.739.183</b>	<b>39.929.159.950</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018**29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>9.735.342.666</b>	<b>14.662.936.943</b>

**30 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

<b>a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.718.060.550	9.048.373.533
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>2.718.060.550</b>	<b>9.048.373.533</b>
<b>b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.665.617.186	1.665.617.186
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>1.665.617.186</b>	<b>1.665.617.186</b>
<b>c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	6.330.312.983	-
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)	-	(8.479.679.670)
	<b>6.330.312.983</b>	<b>(8.479.679.670)</b>

**31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	64.434.422.808	(18.563.004.384)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	64.434.422.808	(18.563.004.384)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	38.886.477	38.849.139
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.657</b>	<b>(478)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2018		Năm 2017	
	VND		VND	
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	470.992.089.930		234.990.357.240	
Chi phí nhân công	149.522.799.741		59.602.784.386	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.362.700.157		26.963.230.795	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	300.478.749.193		116.606.027.415	
Chi phí khác bằng tiền	58.090.998.577		187.681.152.575	
	<b>1.011.447.337.598</b>		<b>625.843.552.411</b>	

**33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	97.293.471.046	-	56.831.673.722	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	397.392.277.316	(31.079.328.638)	305.313.714.314	(23.716.646.970)
Các khoản cho vay	31.000.000.000	-	14.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	48.114.249.391	(12.306.607.291)	89.344.323.061	(5.358.738.869)
Đầu tư dài hạn	241.253.571.540	-	207.550.000.000	-
	<b>815.053.569.293</b>	<b>(43.385.935.929)</b>	<b>673.039.711.097</b>	<b>(29.075.385.839)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	802.239.493.624	628.243.298.785
Phải trả người bán, phải trả khác	308.811.854.196	183.754.194.457
Chi phí phải trả	6.290.746.973	41.307.132.778
	<b>1.117.342.094.793</b>	<b>853.304.626.020</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	97.293.471.046	-	-	97.293.471.046
Phải thu khách hàng, phải thu khác	365.945.448.678	367.500.000	-	366.312.948.678
Các khoản cho vay	31.000.000.000	-	-	31.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	35.807.642.100	-	-	35.807.642.100
Đầu tư dài hạn	-	241.253.571.540	-	241.253.571.540
	<b>530.046.561.824</b>	<b>241.621.071.540</b>	<b>-</b>	<b>771.667.633.364</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018**Tại ngày 01/01/2018**

Tiền và các khoản tương đương tiền	56.831.673.722	-	-	56.831.673.722
Phải thu khách hàng, phải thu khác	281.229.567.344	367.500.000	-	281.597.067.344
Các khoản cho vay	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	83.985.584.192	-	-	83.985.584.192
Đầu tư dài hạn	-	207.550.000.000	-	207.550.000.000
	<b>436.046.825.258</b>	<b>207.917.500.000</b>	-	<b>643.964.325.258</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Vay và nợ	226.030.706.524	26.158.677.392	550.050.109.708	802.239.493.624
Phải trả người bán, phải trả khác	308.755.039.196	56.815.000	-	308.811.854.196
Chi phí phải trả	6.290.746.973	-	-	6.290.746.973
	<b>541.076.492.693</b>	<b>26.215.492.392</b>	<b>550.050.109.708</b>	<b>1.117.342.094.793</b>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Vay và nợ	286.494.046.320	44.057.953.627	297.691.298.838	628.243.298.785
Phải trả người bán, phải trả khác	183.697.379.457	56.815.000	-	183.754.194.457
Chi phí phải trả	41.307.132.778	-	-	41.307.132.778
	<b>511.498.558.555</b>	<b>44.114.768.627</b>	<b>297.691.298.838</b>	<b>853.304.626.020</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chiếm trên 90% tổng doanh thu hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

**Theo khu vực địa lý**

	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	646.259.844.168	156.549.728.032	802.809.572.200
Tài sản bộ phận	1.865.043.378.214	232.513.513.224	2.097.556.891.438
Tổng chi phí mua TSCĐ	34.561.247.709	-	34.561.247.709

**36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.393.128.000	1.961.858.539
Trong đó, thu nhập của Tổng Giám đốc	445.164.000	482.766.667

**37 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) kiểm toán.



Nguyễn Thị Tú Quỳnh  
Người lập



Nguyễn Văn Thắng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Phúc  
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019